TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST-DS	*Lâm Thao, ngày 13 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2019,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng B

Địa chỉ: 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng B;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Mai H - Giám đốc Ngân hàng B, chi nhánh P.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đức M - Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch L trực thuộc Ngân hàng B, chi nhánh P (Theo Quyết định ủy quyền số: 476/QĐ-BIDV.PT ngày 02/5/2019).

Bị đơn: Anh Lưu Xuân D, sinh năm: 1980;

Vợ là chị: Đỗ Thị Hoàng T, sinh năm: 1983;

Người nhận ủy quyền của anh D: Chị Đỗ Thị Hoàng T, sinh năm: 1983;

Đều có địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện LT, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1959;

Người nhận ủy quyền của bà Nhàn: Chị Đỗ Thị Hoàng T, sinh năm: 1983;

Đều có địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện LT, tỉnh Phú Thọ.

2. Bà Hoàng Thị Th, sinh năm: 1957 và chồng là ông Đỗ Ngọc Đ, sinh năm: 1957;

Người nhận ủy quyền của bà Th, ông Đ: Chị Đỗ Thị Hoàng T, sinh năm: 1983;

Đều có địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện LT, tỉnh Phú Thọ.

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1945, chết năm 2018.

Địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện LT, tỉnh Phú Thọ.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Thái (các con của bà T1):

- Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Khu 3, xã H, huyện LT, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tổng số tiền còn nợ: Tính đến hết ngày 01/5/2019 anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T còn nợ Ngân hàng B, chi nhánh P số tiền 3.847.643.021 đồng (Ba tỷ tám trăm bốn mươi bẩy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn không trăm hai mốt) trong đó nợ gốc là 3.359.000.000 đồng (Ba tỷ ba trăm năm mươi chín triệu), lãi trong hạn là 351.685.046 đồng (Ba trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 136.957.975 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu chín trăm năm mươi bẩy nghìn chín trăm bẩy mươi lăm đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017, văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6803399/HĐTD ngày 03/10/2017, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017.

2.2. Về thời hạn trả nợ:

Ngày 30/9/2019 anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T có trách nhiệm trả Ngân hàng B, chi nhánh P số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nợ gốc trong tổng số tiền anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T còn nợ Ngân hàng B, chi nhánh P theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6803399/HĐTD ngày 03/10/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017.

Ngày 30/10/2019 anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T có trách nhiệm trả Ngân hàng B, chi nhánh P số tiền: 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu

đồng) nợ gốc trong tổng số tiền anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T còn nợ Ngân hàng B, chi nhánh P theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017, văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6803399/HĐTD ngày 03/10/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017.

Ngày 30/11/2019 anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T có trách nhiệm trả Ngân hàng B, chi nhánh P số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) nợ gốc trong tổng số tiền anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T còn nợ Ngân hàng B, chi nhánh P theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6803399/HĐTD ngày 03/10/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017.

Ngày 30/12/2019 anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T có trách nhiệm trả Ngân hàng B, chi nhánh P số tiền 3.097.643.021 đồng (Ba tỷ không trăm chín bẩy triệu sáu trăm bốn ba nghìn không trăm hai mươi mốt đồng) nợ gốc và lãi phát sinh kể từ ngày 02/5/2019 theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6803399/HĐTD ngày 03/10/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017.

2.3. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng B, chi nhánh P đúng thời hạn như đã thỏa thuận và vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào (bao gồm cả thời hạn trả nợ cùng số tiền trả nợ trong từng thời hạn) thì Ngân hàng B, chi nhánh P có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao kê biên, phát mại, bán đấu giá các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 03/2017/6803399/HĐBĐ ngày 08/5/2017, Hợp đồng thế chấp số: 01/2017/6803399/HĐBĐ ngày 08/5/2017, Hợp đồng thế chấp số: 04/2017/6803399/HĐBĐ ngày 08/5/2017, Hợp đồng thế chấp số: 05/2017/6803399/HĐBĐ ngày 08/5/2017, Hợp đồng thế chấp số: 03/2017/6803399/HĐBĐ ngày 13/11/2017, Hợp đồng thế chấp số: 06/2017/6803399/HĐBĐ ngày 23/10/2017, Hợp đồng thế chấp số: 01/2016/6803399/HĐBĐ ngày 20/12/2016 để thu hồi toàn bộ nợ gốc, lãi, lãi phạt và phí (nếu có) phát sinh.

Khi thực hiện kê biên, phát mại, bán đấu giá các tài sản đã thế chấp, Ngân hàng B, chi nhánh P cam kết ưu tiên chị Nguyễn Thị Minh N và anh Nguyễn Mạnh H được mua lại khối tài sản của bà Nguyễn Thị T1 đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 05/2017/6803399/HĐBĐ ngày 08/5/2017.

Trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp, anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng B, chi nhánh P theo quy định đến khi Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6803399/HĐTD ngày 03/10/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017 được thực hiện xong.

Sau khi anh Lưu Xuân D và vợ là chị Đỗ Thị Hoàng T đã xử lý hết tài sản thế chấp thì Ngân hàng B, chi nhánh P sẽ xem xét giảm, miễn các khoản tiền còn thiếu đối với khoản vay cho anh Lưu Xuân D và vợ là chị Đỗ Thị Hoàng T nếu đủ điều kiện theo quy định.

Trường hợp anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận, kể từ ngày 14/9/2019 cho đến khi thi hành án xong, anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017, Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/6803399/HĐTD ngày 03/10/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2017/6803399/HĐTD ngày 08/5/2017.

2.4. Về án phí: Anh Lưu Xuân D và chị Đỗ Thị Hoàng T phải chịu 54.476.430 đồng (Năm mươi tư triệu bốn trăm bẩy mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng B 54.476.000 đồng (Năm mươi tư triệu bốn trăm bẩy mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002618 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Hoa